

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 11- 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Giáp Long.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2025/TLST–HNGĐ, ngày 13/10/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh ngày 01/01/1988. CCCD: 094188005966, ngày cấp 26/8/2021. Nơi thường trú: số A, đường D, Khu V, Phường P, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/3/1988. CCCD: 094088012012, ngày cấp 12/8/2021. Nơi thường trú: số A, đường D, Khu V, Phường P, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 bà L tự nguyện kết hôn với ông T, ông bà đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường B1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số

187, cấp ngày 20/11/2007.

Nguyên nhân bà L xin ly hôn với ông T là sau khi đăng ký kết hôn được 16 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ, bản thân cả hai người cảm thấy không hòa hợp. Từ năm 2024 ông T đã bỏ gia đình đi cho đến nay.

Xét thấy cuộc sống giữa bà L và ông T không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa nên bà L xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà L có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng Duy B, giới tính: nam, sinh ngày 12/01/2009 và Nguyễn Thị Bảo N, giới tính: nữ, sinh ngày 16/9/2012. Sau khi ly hôn, bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi và bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, con chung. Về tài sản chung, nợ chung ông T không có đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T không đồng ý. Do ông T vẫn còn tình cảm với bà L. Ông T thừa nhận rằng, thời gian qua ông T có đi làm ăn xa chưa thể dành nhiều thời gian cho vợ và con. Tuy nhiên, ông T không nghĩ được rằng, công việc của ông T đã vô tình làm rạn nứt tình cảm của vợ chồng. Đến khi ông T nhận được thông báo thụ lý của Tòa án về việc vợ ông T muốn ly hôn với ông T thì ông T mới nhận ra điều đó. Ông T hoàn toàn không mong muốn ly hôn với vợ. Vì ông T vẫn còn rất yêu thương vợ và các con của ông T.

- *Tại Biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 29/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ*, cháu Nguyễn Thị Bảo N và cháu Nguyễn Hoàng Duy B có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ.

- *Tại Công văn số 1384/UBND-HC ngày 30/10/2025 của Ủy ban nhân dân Phường P, thành phố Cần Thơ* cung cấp thông tin về hoàn cảnh gia đình, nguyện vọng các con như sau: “Về hoàn cảnh gia đình: Bà Lâm Thị L, sinh ngày 01/01/1988, nơi thường trú: Số A, đường D, phường P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Kinh doanh tiệm tóc và quán nước, thu nhập ổn định. Hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung; ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/3/1988, nơi thường trú: Số A, đường D, phường P, thành phố Cần Thơ. Hiện tại không còn sống tại địa chỉ thường trú.

Nguyện vọng của các đương sự: Bà Lâm Thị L có nguyện vọng được nuôi 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Duy B (sinh ngày 12/01/2009) và cháu Nguyễn Thị Bảo N (sinh ngày 16/09/2012) cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Hoàng

Duy B có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Cháu Nguyễn Thị Bảo N có nguyện vọng được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn”.

- *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ* tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân thủ pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị L; về con chung: giao 02 người con chung là cháu Nguyễn Hoàng Duy B, giới tính: nam, sinh ngày 12/01/2009 và cháu Nguyễn Thị Bảo N, giới tính: nữ, sinh ngày 16/9/2012 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- *Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh:* Các đương sự thống nhất với các tình tiết, sự kiện về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường B1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường P, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 187, cấp ngày 20/11/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L Hội đồng xét xử nhận thấy: vợ chồng bà L, ông T đã phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống không thể hàn gắn; ông bà không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau và sống riêng từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, bà L, ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L và ông T được ly hôn.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông T xác định có 02 người con chung gồm: Nguyễn Hoàng Duy B, giới tính: nam, sinh ngày 12/01/2009 và Nguyễn Thị Bảo N, giới tính: nữ, sinh ngày 16/9/2012. Sau khi ly

hôn, bà L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà L và ông T không chung sống cùng nhau đến nay, cháu Duy B và cháu Bảo N do bà L trực tiếp nuôi dưỡng nên việc bà L đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là phù hợp với nguyện của 02 cháu và ông T cũng không có ý kiến phản đối nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Lâm Thị L và các thành viên gia đình không ai được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lâm Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị L trình bày không có, ông Nguyễn Văn T trình bày có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004108 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lâm Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị L được ly hôn.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Hoàng Duy B, giới tính: nam, sinh ngày 12/01/2009 và cháu Nguyễn Thị Bảo N, giới tính: nữ, sinh ngày 16/9/2012 cho bà Lâm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bà Lâm Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung theo quy định pháp luật.

Bà Lâm Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị L trình bày không có, ông Nguyễn Văn T trình bày có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lâm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004108 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lâm Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cần Thơ;
- UBND Phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trúc Phương

